TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS - ST
Ngày: 06 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*bà Đặng Thị Thơm, bà Huỳnh Thị Châu

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Quách Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai ghi biên bản phiên tòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Trần Văn T (tên gọi khác: T), sinh năm 1978, tại Ninh Bình;

HKTT và nơi cư trú: xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh N; nghề nghiệp:Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D– sinh năm 1954, con bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1954; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 04 chị em, bị cáo có vợ là Phạm Thị P – sinh năm 1985 và có hai người con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008;

-Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được áp dụng biện pháp bảo lĩnh.

- Nhân thân: tốt. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:*

1. Phạm Thị P, sinh năm 1985, trú tại ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1967, trú tại ấp Chợ, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. Phạm Văn D, sinh năm 1990, trú tại ấp Nguyễn H, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1981, trú tại ấp Nguyễn Huệ 2, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984, trú tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (

6. Trần Xuân T, sinh năm 1968, trú tại ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

7. Tạ Thị Thúy H, sinh năm 1979, trú tại ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

8. Thị Vương, sinh năm 1993, trú tại ấp Xuân Thiện, xã Xuân Thiện, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

9. Lê Đức T, sinh năm 1975, trú tại ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

10. Nguyễn Hồng D, sinh năm 1999, trú tại ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

11. Nguyễn Thị L, sinh năm 1953, trú tại ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

12. Dương Thị T, sinh năm 1975, trú tại ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

13. Chế A L, sinh năm 1967, trú tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

14. Trần Thị Thu T, sinh năm 1988, trú tại ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

15. Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1969, trú tại ấp H, xã Túc T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

16. Đặng Thị L, sinh năm 1959, trú tại ấp Đức Thắng 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(16 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ ngày 22/9/2020 Công an huyện Thống Nhất phối hợp với Công an xã Q tiến hành kiểm tra hành chính tại số nhà F5/157 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T cho Trần Văn T, Phạm V và Trần V thuê nguyên căn nhà để ở và sinh hoạt, Trần Văn T chưa khai báo đăng ký tạm trú với Công an xã Q, qua kiểm tra phát hiện tại nhà do Trần Văn T, Gvà H thuê ở đang lưu giữ trái phép 19 giấy CMND, 07 sổ hộ khẩu của người dân, 04 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, 01 đăng ký xe mô tô và một số tờ rơi, card visit quảng cáo cho vay tiền, liên quan đến hoạt động cho vay mượn tiền. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất xử lý theo quy định

Quá trình điều tra đã làm trõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Trần Văn Thiệu như sau:

Từ tháng 10/2019 Trần Văn T đến thuê nhà và tạm trú tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai với mục đích hoạt động kinh doanh cho vay lãi nặng để kiếm tiền sinh sống. Để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng T đã in tờ rơi với nội dung cho vay tiền trả góp cả gốc và lãi theo ngày, thủ tục nhanh gọn không cần thế chấp rồi đi rải ở những khu vực đông dân cư, chợ…tại các huyện T, huyện Định Quán, T

chuẩn bị số tiền mặt làm vốn là 70.000.000 đồng, số tiền T cho vay nhỏ nhất là 2.000.000 đồng và cao nhất là 20.000.000 đồng trên lần vay. Sau khi cho vay, khoảng 16 giờ chiều hàng ngày, T hẹn địa điểm và sử dụng xe môtô 60B7-25781 để đi thu tiền đóng hàng ngày của người vay tiền. Quá trình điều tra xác định T cho người dân vay tiền ở 02 hình thức với lãi suất từ 0,5%/ngày đến 1%/ngày tương đương với 182,5%/năm cao gấp 9,13 lần với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, hình thức vay này gọi là vay đứng; đối với mức lãi suất 0,77%/ngày, tương đương 282,58%/năm, cao gấp 14,13 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự hình thức vay này gọi là vay trả góp ngày. Cụ thể:

- Vay đứng: Nếu cho vay số tiền 1.000.000 đồng thì người vay phải đóng tiền lãi mỗi ngày là 10.000 đồng/1.000.000 đồng, 20.000 đồng/2.000.000 đồng/ngày tương tự tăng dần lên so với số tiền vay cho đến khi nào trả được tiền gốc (trả 01 lần).

- Vay trả góp hàng ngày: Nếu cho vay góp số tiền 2.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày Thiệu thu của người vay 100.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 2.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 2.500.000 đồng *(trong đó có 2 triệu tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi)*.

Nếu cho vay góp số tiền 3.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày Thiệu thu của người vay 150.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 3.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 3.750.000 đồng *(3 triệu tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi)*

Tương tự tăng dần. Nếu cho vay góp số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày Thiệu thu của người vay 1.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi. Cho vay 20.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả tổng số tiền là 25.000.000 đồng *(trong đó 20 triệu đồng tiền gốc và 5 triệu đồng tiền lãi).*

Ngoài ra Thiệu còn cho vay thời hạn 30 ngày, 31 ngày và 33 ngày cách thức vay tương tự như vay 25 ngày.

Trần Văn Thiệu sử dụng điện thoại di động Nokia 230 có gắn số sim 0975.135.332, xe mô tô 60B7-25781, Thiệu tự đặt tên riêng cho mình là "Tuấn" để liên lạc và thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng với những người có nhu cầu vay tiền.

Quá trình điều tra đã xác định được từ tháng 6/2020 đến ngày 22/9/2020 Trần Văn Thiệu đã cho 16 người dân vay cụ thể như sau:

1, Phạm Thị P, sinh năm 1985, trú tại ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: P đã vay của T lần đầu với số tiền vay là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 1.500.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 1.417.808 đồng)*. Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 1.117.808 đồng (Thiệu bớt cho Phương 300.000 đồng tiền lãi)

Những khoản đang còn vay: Ngày 21/8/2020 P vay số tiền 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi ngày 300.000 đồng trong vòng 25 ngày là đủ cả gốc và lãi, Phương đã trả được 13 ngày tương ứng với số tiền 3.900.000 đồng *(trong đó tiền gốc 3.120.000 đồng, tiền lãi 780.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 780.000 đồng tiền lãi (*(trong đó số tiền lãi được phép là 42.740 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 737.260 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 737.260 đồng và 200.000 đồng phí dịch vụ.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Thị P đã vay của Trần Văn T là 12.000.000 đồng, đã trả gốc 9.120.000 đồng, T thu lợi số tiền 2.280.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 124.932 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 1.855.068 đồng) và phí dịch vụ 200.000 đồng.* T đã thu lợi bất chính là 1.855.068 đồng và 200.000 đồng phí dịch vụ. Đến ngày 22/9/2020 Phạm Thị P đang còn vay nợ gốc của Trần Văn T là 2.880.000 đồng.

2, Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1967, trú tại ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 12/9/2020 bà L đã vay của Trần Văn T số tiền là 4.000.000 đồng, thõa thuận trả gốc và lãi mỗi ngày là 200.000 đồng trong vòng 25 ngày là đủ cả gốc và lãi, bà L đã trả được 11 ngày tương ứng với số tiền 2.200.000 đồng *(trong đó tiền gốc 1.760.000 đồng, tiền lãi 440.000 đồng)*, T thu lợi số tiền 440.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 24.110 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 415.890 đồng) và phí dịch vụ 100.000 đồng.*

Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 415.890 đồng và phí dịch vụ 100.000 đồng. Đến ngày 22/9/2020 Nguyễn Thị L đang còn vay của Thiệu số tiền 2.240.000 đồng.

3, Phạm Văn D, sinh năm 1990, trú tại ấp Nguyễn H, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: anh D vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 5.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 273.972 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 4.726.028 đồng), thu phí dịch vụ là 500.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 4.726.028 đồng và 500.000 đồng phí dịch vụ.

Những khoản đang còn vay: Ngày 21/9/2020 anh D vay số tiền 10 triệu đồng, đã trả được 02 ngày tương ứng với số tiền 1.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 800.000 đồng, số tiền lãi là 200.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 200.000 đồng tiền lãi (*(trong đó số tiền lãi được phép là 10.959 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 189.041 đồng)* thu phí dịch vụ là 200.000 đồng, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 189.041 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 200.000 đồng phí dịch vụ.

Ngoài ra trong tháng 9/2020 Phạm Văn D còn vay đứng của Trần Văn T số tiền 4.000.000 đồng và thõa thuận trả mỗi ngày 20.000 đồng tiền lãi, không tính tiền gốc, đến nay số tiền này D đang vay của T (chưa trả lãi ngày nào)

Như vậy, tổng số tiền anh Phạm Văn D đã vay của Trần Văn T là 34.000.000 đồng, đã trả gốc 20.800.000 đồng, T thu lợi số tiền 5.200.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 284.931 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 4.915.069 đồng) và phí dịch vụ 700.000 đồng.* Thiệu đã thu lợi bất chính là 4.915.069 đồng và 700.000 đồng phí dịch vụ, đến ngày 22/9/2022 Phạm Văn D đang còn nợ gốc của T số tiền 13.200.000 đồng.

4, Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1981, trú tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: chị P vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền vay là 14.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 4.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 230.136 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 3.769.864 đồng) và 250.000 đồng phí dịch vụ*. Như vậy, Trần Văn Tđã thu lợi bất chính số tiền 3.769.864 đồng và 250.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay gồm: Ngày 08/9/2020 chị P vay với số tiền 7.000.000 đồng thời hạn vay là 30 ngày, đã trả được 15 ngày tương ứng với số tiền 4.500.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 3.500.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 1.000.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 57.534 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 942.466 đồng).* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 942.466 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và phí dịch vụ là 200.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Ngọc P đã vay của Trần Văn là 21.000.000 đồng, đã trả gốc 17.500.000 đồng, T thu lợi số tiền 5.000.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 287.670 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 4.712.330 đồng).* T đã thu lợi bất chính là 4.712.330 và 450.000 đồng phí dịch vụ. Đến ngày 22/9/2020 Nguyễn Ngọc P đang còn vay nợ gốc của Trần Văn T là 3.500.000 đồng.

5/ Nguyễn Thanh D, sinh năm 1984, trú tại ấp Lê Văn Q, xã TR, huyện T, tỉnh Trà Vinh Những khoản vay đã trả xong: anh D vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền vay là 9.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 2.250.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 123.288 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.126.712 đồng) và 300.000 đồng phí dịch vụ*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.126.712 đồng và 300.000 đồng phí dịch vụ.

Những khoản đang còn vay gồm: Ngày 19/9/2020 vay của T số tiền 5.000.000 đồng thời hạn vay là 25 ngày, đã trả được 03 ngày tương ứng với số tiền 750.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 600.000 đồng, số tiền lãi là 150.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 150.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 8.218*

đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 141.782 đồng) Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 141.781 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và phí dịch vụ là 300.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền anh D vay là 14.000.000 đồng, đã trả gốc 9.600.000 đồng, Thiệu thu lợi số tiền 2.400.000 đồng (*Trong đó: tiền lãi được phép theo quy định là 131.506 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.268.494 đồng*) và 600.000 đồng phí dịch vụ. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính là 2.268.494 và 600.000 đồng phí dịch vụ. Đến ngày 22/9/2020 Nguyễn Thanh D đang còn vay nợ gốc của Trần Văn T là 4.400.000 đồng.

6, Trần Xuân T, sinh năm 1968, trú tại ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: anh T vay của Trần Văn T số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 2.500.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.363.014 đồng) và phí dịch vụ là 300.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng và 300.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay: Ngày 11/9/2020 anh T vay của Thiệu số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 10 ngày tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 4.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.000.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 1.000.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 945.205 đồng)*. Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 300.000 đồng phí dịch vụ.

Như vậy, tổng số tiền anh Tg đã vay của Trần Văn T là 20.000.000 đồng, đã trả gốc 14.000.000 đồng, T thu lợi số tiền 3.500.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 191.781 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 3.308.219 đồng) và phí dịch vụ 600.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính là 3.308.219 đồng và 600.000 đồng tiền dịch vụ. Đến ngày 22/9/2020 Trần Xuân T đang còn vay nợ gốc của Trần Văn T là 6.000.000 đồng.

7, Tạ Thị Thúy H, sinh năm 1979, trú tại ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Ngày 22/9/2020 vay số tiền 15.000.000 đồng thời hạn vay là 25 ngày, đã trả trước được 02 ngày tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 1.200.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng) và thu phí dịch vụ là 400.000 đồng*. Trần Văn Thiệu thu được 300.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 16.438 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 283.562 đồng)* như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 283.562 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 400.000 đồng phí dịch vụ, đến nay chị H đang còn nợ gốc của Thiệu số tiền 13.800.000 đồng

Ngoài ra chị H còn vay tiền theo hình thức trả góp như trên của Trần văn T nhiều lần trước đó, nhưng đến nay không nhớ được thời gian và chi tiết các lần vay mượn tiền nên không xác định được số tiền vay nặng lãi giữa chị H và T nên không

có căn cứ để xác định số tiền thu lợi bất chính của Trần Văn T thông qua hoạt động cho vay nặng lãi để xử lý theo quy định.

8, Thị V, sinh năm 1993, trú tại ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: chị V vay của Trần Văn T số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 1.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 945.205 đồng) và phí dịch vụ là 150.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng và 150.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay: Ngày 10/9/2020 chị V vay của Thiệu số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 11 ngày tương ứng với số tiền 2.200.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 1.760.000 đồng, số tiền lãi là 440.000 đồng) và phí dịch vụ 250.000 đồng*. Trần Văn T thu được 440.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 24.110 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 415.890 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 415.890 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 250.000 đồng phí dịch vụ.

Như vậy, Thị V đã vay của Trần Văn T tổng số tiền là 8.000.000 đồng, đã trả gốc 5.760.000 đồng, T thu lợi số tiền 1.440.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 78.315 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 1.361.685 đồng) và phí dịch vụ 400.000 đồng.* Trần Văn T đã thu lợi bất chính là **1.361.685** đồng và 400.000 đồng tiền dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 Thị Vương đang còn vay số nợ gốc của Thiệu là 2.240.000 đồng.

9, Lê Đức T, sinh năm 1975, trú tại ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: anh T vay của Trần Văn T tất cả 3 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 7.500.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 410.958 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 7.089.042 đồng) và phí dịch vụ là 500.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 7.089.042 đồng và 500.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay: Ngày 19/9/2020 anh T vay của T số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 02 ngày tương ứng với số tiền 1.00.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 800.000 đồng, số tiền lãi là 200.000 đồng) và phí dịch vụ 300.000 đồng*. Trần Văn T thu được 200.000 đồng tiền lãi (*(trong đó số tiền lãi được phép là 10.959 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 189.041 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 189.041 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 300.000 đồng phí dịch vụ.

Như vậy, Lê Đức T đã vay của Trần Văn T tổng số tiền là 40.000.000 đồng, đã trả gốc 30.800.000 đồng, T thu lợi số tiền 7.700.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 421.917 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 7.278.083 đồng) và phí dịch vụ 800.000 đồng.* Trần Văn T đã thu lợi bất chính là 7.278.083 đồng và 800.000 đồng tiền dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 Lê Đức T đang còn vay số nợ gốc của T là 9.200.000 đồng.

10, Nguyễn Hồng D, sinh năm 1999, trú tại ấp L, xã Q, huyện t, tỉnh Đồng Nai.

Khoản vay đã trả xong: chị D vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 4.800.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 271.232 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 4.528.768 đồng) và phí dịch vụ là 600.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 4.228.768 đồng (T bớt cho Diễm 300.000 đồng tiền lãi) và 600.000 đồng phí dịch vụ.

Theo lời khai của chị D, trước đó D còn vay tiền theo hình thức trả góp như trên của Trần văn T, nhưng đến nay không nhớ được thời gian và chi tiết các lần vay mượn tiền nên không xác định được số tiền vay nặng lãi giữa chị D và Thiệu nên không có căn cứ để xác định số tiền thu lợi bất chính của Trần Văn T thông qua hoạt động cho vay nặng lãi để xử lý theo quy định.

11, Nguyễn Thị L, sinh năm 1953, trú tại T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà L vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền là 4.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 1.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 945.205 đồng)*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng

Những khoản đang còn vay: Ngày 12/9/2020 bà L vay của Thiệu số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 31 ngày, đã trả được 10 ngày tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 1.612.903 đồng, số tiền lãi là 387.097 đồng) và phí dịch vụ 150.000 đồng*. Trần Văn T thu được 387.097 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 27.397 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 359.700 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 359.700 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 150.000 đồng phí dịch vụ,

Ngày 14/9/2020 bà L vay của Tsố tiền 2.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 07 ngày tương ứng với số tiền 700.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 560.000 đồng, số tiền lãi là 140.000 đồng)*. Trần Văn T thu được 140.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 7.671 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 132.329 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 132.329 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, bà Nguyễn Thị L đã vay của Trần Văn T tổng số tiền là 11.000.000 đồng, đã trả gốc 6.172.903 đồng, T thu lợi số tiền 1.527.097 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 89.863 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 1.437.234 đồng)*. T đã thu lợi bất chính là 1.437.234 đồng và 150.000 đồng tiền dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 bà Lý đang nợ Trần Văn T tổng số tiền gốc là 4.827.097 đồng.

12, Dương Thị T, sinh năm 1975: Những khoản vay đã trả xong: chị T vay của Trần Văn T tất cả 02 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi Thiệu đã thu được là 1.500.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà*

nước là 82.192 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 1.417.808 đồng) và phí dịch vụ là 100.000 đồng. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 1.417.808 đồng và 100.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay: Ngày 18/9/2020 chị T vay của Thiệu số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 05 ngày tương ứng với số tiền 750.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 600.000 đồng, số tiền lãi là 150.000 đồng) và 100.000 đồng tiền phí dịch vụ*. Trần Văn T thu được 150.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 8.219 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 141.781 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 141.781 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 100.000 đồng phí dịch vụ.

Như vậy, chị T đã vay của Trần Văn T tổng số tiền là 9.000.000 đồng, đã trả gốc 6.600.000 đồng, T thu lợi số tiền 1.650.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 90.411 đồng, số tiền lãi vượt múc quy định của Nhà nước là 1.559.589 đồng) và phí dịch vụ 200.000 đồng.* T đã thu lợi bất chính là 1.559.589 đồng và 200.000 đồng tiền dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 Dương Thị Tg đang còn vay số nợ gốc của T là 2.400.000 đồng.

13, Chế A L, sinh năm 1967, trú tại ấp Đức T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 14/9/2020 A L vay của T số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 08 ngày tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 1.600.000 đồng, số tiền lãi là 400.000 đồng) và phí dịch vụ 150.000 đồng*. Trần Văn Thiệu thu được 400.000 đồng tiền lãi (*(trong đó số tiền lãi được phép là 21.918 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 378.082 đồng)* Trần Văn Tđã thu lợi bất chính số tiền 378.082 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 150.000 đồng phí dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 A đang còn vay số nợ gốc của Thiệu số tiền là 3.400.000 đồng.

14, Trần Thị Thu Trinh, sinh năm 1988: Ngày 29/6/2020 T vay của T số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, nhưng do T không trả đầy đủ hàng ngày, chỉ mới trả được 20 ngày tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 9.600.000 đồng, số tiền lãi là 2.400.000 đồng) và phí dịch vụ 600.000 đồng*. Trần Văn Thiệu thu được 2.400.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 131.507 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 2.268.493 đồng)* Trần Văn Tđã thu lợi bất chính số tiền 2.268.493 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 600.000 đồng phí dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 Trần Thị T đang còn vay số nợ gốc của T số tiền là 2.400.000 đồng.

15, Nguyễn Thị Kim Xuyến, sinh năm 1969: Những khoản vay đã trả xong: bà X vay của Trần Văn T số tiền 9.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 2.250.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 123.288 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.126.712 đồng) và phí dịch vụ là 300.000 đồng*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.126.712 đồng và 300.000 đồng phí dịch vụ

Những khoản đang còn vay: Ngày 16/8/2020 bà X vay của T số tiền 14.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 18 ngày tương ứng với số tiền 12.500.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 10.080.000 đồng, số tiền lãi là 2.420.000 đồng) và phí dịch vụ 250.000 đồng*. Trần Văn T thu được 2.420.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 138.082 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 2.281.918 đồng)*Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 2.281.918 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 250.000 đồng phí dịch vụ.

Ngày 13/9/2020 bà X vay của T số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 10 ngày tương ứng với số tiền 10.000.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 8.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.000.000 đồng) và phí dịch vụ 500.000 đồng*. Trần Văn Thiệu thu được 2.000.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 109.589 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 1.890.411 đồng)*Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 500.000 đồng phí dịch vụ.

Ngày 20/9/2020 bà X vay của Tsố tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 03 ngày tương ứng với số tiền 1.500.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 1.200.000 đồng, số tiền lãi là 300.000 đồng) và phí dịch vụ 250.000 đồng*. Trần Văn T thu được 300.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 16.438 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 283.562 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 283.562 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước và 250.000 đồng phí dịch vụ.

Ngày 16/8/2020 bà Xn vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Vay đứng), thỏa thuận trả lãi hàng ngày là 50.000 đồng, bà X đã trả được 20 ngày tổng số tiền lãi là 1.000.000 *(trong đó 54.795 đồng tiền lãi theo quy định của Nhà nước và 945.205 đồng tiền lãi vướt quá hạn quy định của Nhà nước)*, như vậy Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng, số tiền gốc đến nay bà X chưa trả lại cho T.

Như vậy, bà X đã vay của Trần Văn T tổng số tiền là 63.000.000 đồng, đã trả gốc 30.680.000 đồng, T thu lợi số tiền 12.845.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 475.069 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 8.094.931 đồng) và phí dịch vụ 1.450.000 đồng.* Thiệu đã thu lợi bất chính là 8.094.931 đồng và 1.450.000 đồng tiền dịch vụ, đến ngày 22/9/2020 bà X đang còn vay số nợ gốc của T là 32.320.000 đồng.

16, Đặng Thị L, sinh năm 1959, trú tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Những khoản vay đã trả xong: bà L vay của Trần Văn T tất cả 04 lần với tổng số tiền là 8.000.000 đồng. Số tiền lãi T đã thu được là 2.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi theo quy định của Nhà nước là 109.588 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 1.890.412 đồng)*. Như vậy, Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 1.890.412 đồng.

Những khoản đang còn vay: Ngày 14/9/2020 bà L vay của T số tiền 3.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, đã trả được 07 ngày tương ứng với số tiền 1.050.000 đồng. *(trong đó số tiền gốc là 840.000 đồng, số tiền lãi là 210.000*

đồng). Trần Văn T thu được 210.000 đồng tiền lãi *(trong đó số tiền lãi được phép là 11.507 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 198.493 đồng)* Trần Văn T đã thu lợi bất chính số tiền 198.493 đồng ngoài lãi suất quy định của Nhà nước.

Như vậy, bà L đã vay của Trần Văn Tu tổng số tiền là 11.000.000 đồng, đã trả gốc 8.840.000 đồng, T thu lợi số tiền 2.210.000 đồng *(trong đó số tiền thu lãi được phép theo quy định là 121.095 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định của Nhà nước là 2.088.905 đồng).* Trần Văn T đã thu lợi bất chính là 2.088.905 đồng, Đến ngày 22/9/2020 bà L đang còn vay của Thiệu số tiền 2.160.000 đồng.

Ngoài ra, Trần Văn T còn cho một số người vay tiền như "Bà tư mập", "Chồng bà T", "P", … với thủ đoạn tương tự như trên, tuy nhiên do những người này không có địa chỉ rõ ràng, quá trình xác minh không xác định được lai lịch, địa chỉ nơi cư trú nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở để xác định việc Trần Văn T cho vay lãi nặng đối với các trường hợp trên, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2020 đến ngày 22/9/2020 Trần Văn T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, T đã cho 16 người dân vay với số tiền là 294.000.000 đồng số tiền này T cho vay theo hình thức xoay vòng và đã thu lợi tổng số tiền 49.162.829 đồng *(trong đó số tiền lãi được phép là 2.708.490 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 46.454.399 đồng) và phí dịch vụ 7.400.000 đồng.* Số tiền Trần Văn Tđã thu lợi bất chính thông qua hình thức cho vay lãi nặng để chiếm đoạt của người dân số tiền là 53.854.399 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã khai nhận về hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 24/CT.VKS – TN ngày 02/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quyết định truy tố đối với Trần Văn T theo bản Cáo trạng số 24/CT.VKS-TN ngày 02/3/2021. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn T, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 01(một) năm đến 01(một) năm 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo T nộp xung quỹ nhà nước toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[**1**] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2**] Về tội danh:

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo, phù hợp với lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 6/2020 đến ngày 22/9/2020 Trần Văn T đã cho 16 người vay với tổng số tiền vay là 294.000.000 đồng số tiền này T cho vay theo hình thức xoay vòng và đã thu lợi tổng số tiền 49.162.829 đồng *(trong đó số tiền lãi được phép là 2.708.490 đồng, số tiền lãi vượt quá mức quy định của Nhà nước là 46.454.399 đồng) và phí dịch vụ 7.400.000 đồng.* Số tiền Trần Văn Thiệu đã thu lợi bất chính thông qua hình thức cho vay lãi nặng để chiếm đoạt của người dân số tiền là 56.562.889 đồng. T đã cho những người dân vay tiền và tính lãi bằng hình thức trả lãi và gốc theo ngày với mức lãi suất 0,77%/ngày, tương đương 282,58%/năm, cao gấp 14,13 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Trần Văn Thiệu theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[**3**] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

+ Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm chế độ quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm lợi ích của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội trong một thời gian dài và cho vay đối với nhiều người.

[**4**] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn lăn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên HĐXX áp dụng các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[**5**] Về hình phạt:

[**5.1**] *Về hình phạt chính*: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy bị cáo cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính tư việc cho vay, bị cáo T có nơi cư trú cụ thể rõ ràng nên HĐXX áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án cải tạo không giam giữ, bị cáo Thiệu đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020 là 10 (mười) ngày được quy đổi thành 30 (ba mươi) ngày cải tạo không gian giữ được trừ đi trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp vơi quy định của pháp luật, bị cáo T là lao động phổ thông nên HĐXX khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo trong thời giam chấp hành cải tạo không giam giữ là 250.000 đồng/ tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[**5.2**] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo cho vay lãi nặng thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Thiệu là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[**6**] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 46.457.339 đồng là số tiền do phạm tội mà có thu lợi bất chính của bị cáo Trần Văn T là số tiền vượt quá lãi suất Nhà nước quy định, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bị cáo Trần Văn Thiệu trả lại cho những người liên quan gồm*:* Phạm Thị P số tiền 1.858.068 đồng, Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 415.890 đồng, Phạm Văn D số tiền 4.915.069 đồng, Nguyễn Ngọc P số tiền 4.712.330 đồng, Nguyễn Thanh D số tiền 2.268.494 đồng, Trần Xuân T số tiền 3.308.216 đồng, Tạ Thị Thúy Hsố tiền 283.562 đồng, Thị Vương số tiền 1.361.685 đồng, Lê Đức T số tiền 7.278.083 đồng, Nguyễn Hồng D số tiền 4.228.768, Nguyễn Thị L số tiền 1.437.234 đồng, Dương Thị T số tiền 1.559.589 đồng, Chế A L số tiền 378.082 đồng, Trần Thị Thu T số tiền 2.268.493 đồng, Nguyễn Thị X số tiền 8.094.931 đồng và Đặng Thị L số tiền 2.088.905 đồng).

[7]Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

[7.1] Bị cáo Trần Văn T đã sử dụng số tiền 294.000.000 đồng làm công cụ phương tiện phạm tội, trong đó bị cáo đã thu hồi được số tiền 189.032.903 đồng (một trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi hai ngàn chín trăm lẻ ba đồng) và số tiền 7.400.000 đồng tiền phí dịch vụ bị cáo đã thu trái quy định của những người vay cần buộc bị cáo nộp tịch thu sung công quỹ.

[7.2] Đối với Số tiền 104.967.097 đồng = (294.000.000 đồng –189.032.903 đồng) Trần Văn T cho những người có quyền lợi và người liên quan vay chưa thu hồi được Những ông, bà có tên trên đang nợ chưa trả lại cho bị cáo cần buộc những người này nộp số tiền trên để sung công đây là số tiền của bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội.

[7.3] Đối với số tiền 2.708.490 đồng (hai triệu bẩy trăm lẻ tám ngàn bốn trăm chín mươi ngàn đồng) bị cáo đã thu lợi của các hộ dân cho vay là tiền do phạm tội mà có cần buộc bị cáo Thiệu nộp sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

[**8**] Số tiền 8.550.000 đồng của Trần Văn T thu tiền lãi suất của những người vay, Cơ quan điều tra đã thu giữ là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung công

[**9**] 04 cuốn sổ kích thước 10cm x 15cm, 01 cuốn sổ oli của Trần Văn Tsử dụng ghi chép theo dõi để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Cơ quan điều tra đã thu giữ cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 xe mô tô Honda AirBlade biển số 60B7-25781, kèm theo giấy đăng ký, 01 điện thoại Nokia 230 gắn số sim 0975.135.332 của Trần Văn Thiệu sử dụng trong quá trình cho vay lãi nặng cần tịch thu sung công.

- 01 điện thoại iphone 11 Pro-max là tài sản của T không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án

- 01 CMND mang tên Trần Thị Thu T, 01 CMND mang tên Nguyễn Thanh D, 01 giấy đăng ký xe mô tô 60AB-02294 mang tên Nguyễn Thị Hồng D Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[**10**] CMND mang tên Trần Phi Tg, 01 giấy đăng ký kinh doanh mang tên Nguyễn Văn S những tài sản trên thu giữ tại nhà ở của Trần Văn T, đến nay chưa làm việc được chủ sở hữu Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh và xử lý sau.

[**11**] Quá trình kiểm tra hành chính Công an huyện Thống Nhất thu giữ một số giấy tờ cá nhân, sổ sách, qua phân loại không liên quan đến hành vi của Trần Văn T, xác định là tài sản của Phạm Văn G và Trần Văn H, Cơ quan điều tra tách ra xử lý hành vi của Phạm Văn G và Trần Văn Hliên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, hiện nay G và Hđang bị khởi tố điều tra về hành vi Cướp tài sản và liên quan đến hành vi cho vay nặng lãi không liên quan đến Trần Văn Th là có căn cứ.

[**12**] Về án phí:

bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn Th có nghĩa vụ trả lại cho 16 người với tổng số tiền là 46.457.339 đồng đồng nên bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là =2.322.866 đồng (46.457.339 đồng x 5%); (hai triệu ba trăm hai mươi hai ngàn tám trăm sáu sáu đồng) án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hành sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

3. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01(một) năm 01(một) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020, quy đổi thành 30 (ba mươi) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn Tcho Ủy ban nhân dân xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình và gia đình giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ.

4. Khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

5.Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: phạt tiền bị cáo Trần Văn Thiệu 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106, Điều 129 Bộ luật TTHS năm 2015:

6.1 Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ nộp sung quỹ nhà nước số tiền gốc là 189.032.903 đồng (một trăm tám chín triệu không trăm ba hai ngàn chín trăm lẻ ba đồng) và 7.400.000 đồng (bẩy triệu bốn trăm ngàn đồng).

6.2 Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ nộp sung quỹ nhà nước số tiền 2.708.490 đồng (hai triệu bẩy trăm lẻ tám ngàn bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

6.3 *Buộc các ông bà có tên sau phải nộp sung quỹ nhà nước số tiền 104.967.097 đồng trong đó cụ thể như sau:*

+ Phạm Thị P số tiền 2.880.000 đồng (hai triệu tám trăm tám mươi ngàn), Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 2.240.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng); Phạm Văn D số tiền 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng); Nguyễn Ngọc P số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng); Nguyễn Thanh D số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ngàn đồng); Trần Xuân T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng); Tạ Thị Thúy H số tiền 13.800.000 đồng(Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng) ; Thị V số tiền 2.240.000 đồng(hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng); Lê Đức T số tiền 9.200.000 đồng (chín triệu hai trăm ngàn đồng); Nguyễn Thị L số tiền 4.827.097 đồng(bốn triệu tám trăm hai bảy ngàn không trăm chín bảy đồng); Dương Thị T số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng); Chế A L số tiền 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng; Trần Thị Thu T số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng); Nguyễn Thị Kim X số tiền 32.320.000 đồng (Ba hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng); Đặng Thị L số tiền 2.160.000 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

6.4 Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ trả lại số tiền 46.457.339 đồng cho các bà cụ thể như sau:

Phạm Thị P số tiền 1.858.068 đồng (một triệu tám trăm năm mươi tám ngàn không trăm sáu tám đồng); Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 415.890 đồng (bốn trăm mười lăm ngàn tám trăm chín mươi đồng), Phạm Văn D số tiền 4.915.069 đồng, (bốn triệu chín trăm mươi lăm ngàn không trăm sáu chín đồng); Nguyễn Ngọc P số tiền 4.712.330 đồng (bốn triệu bảy trăm mươi hai ngàn ba trăm ba mươi đồng);

Nguyễn Thanh D số tiền 2.268.494 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín bốn đồng);Trần Xuân T số tiền 3.308.216 đồng (ba triệu ba trăm không tám ngàn hai trăm mười sáu đồng), Tạ Thị Thúy Hsố tiền 283.562 đồng (hai trăm tám ba ngàn năm trăm sáu hai đồng), Thị V số tiền 1.361.685 đồng (một triệu ba trăm sáu mốt ngàn sáu trăm tám năm đồng); Lê Đức T số tiền 7.278.083 đồng (bảy triệu hai trăm bảy tám ngàn không trăm tám ba đồng); Nguyễn Hồng Diễm số tiền 4.228.768 đồng (bốn triệu hai trăm hai tám ngàn bảy trăm sáu tám đồng); Nguyễn Thị L số tiền 1.437.234 đồng (một triệu bốn trăm ba bảy ngàn hai trăm ba tư đồng); Dương Thị T số tiền 1.559.589 đồng (một triệu năm trăm năm mươi chín ngàn năm trăm tám chín đồng); Chế A Lsố tiền 378.082 đồng (ba trăm bảy tám ngàn không trăm tám hai đồng); Trần Thị Thu T số tiền 2.268.493 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm chín ba đồng); Nguyễn Thị X số tiền 8.094.931 đồng (tám triệu không trăm chín tư ngàn chín trăm ba mốt đồng) và Đặng Thị L số tiền 2.088.905 đồng (hai triệu không trăm tám tám ngàn chín trăm lẻ năm đồng).

6.5. Tịch thu đấu giá sung công Đối với 01 xe mô tô Honda AirBlade biển số 60B7-25781, kèm theo giấy đăng ký, 01 điện thoại Nokia 230 gắn số sim 0975.135.332 của Trần Văn Tu, tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại iphone 11 Pro-max là tài sản của T để bán đấu giá thi hành án.

6.6. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền mặt 8.550.000 đồng (tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) của Trần Văn T (theo biên lai thu tiền số 0002421 ngày 03/3/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

6.7. Tịch thu lưu hồ sơ 04 (bốn) cuốn sổ kích thước 10cm x 15cm, 01 cuốn sổ oli của Trần Văn T sử dụng để ghi chép hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/3/2021 giữ viện kiểm sát nhân dân huyện Thống nhất và thi hành án dân sự huyện Thống nhất).

7 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm) ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.322.866 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi hai ngàn tám trăm sáu sáu đồng) án phí dân sự.

9. Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; 16 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Thống Nhất;
- Công an H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. T.Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quang Phúc

-

-

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**